

Ngữ pháp về trạng từ

1. Trạng từ trong Tiếng Anh là gì?

Trạng từ trong Tiếng Anh (còn được gọi là Adverb hay phó từ) là từ dùng để bổ nghĩa thêm những thông tin về mức độ, tần suất, thời gian, hoặc cách thức của những thành phần khác trong câu. Trạng từ có thể bổ sung thông tin cho động từ, tính từ hoặc một mệnh đề trong câu, giúp người đọc hiểu rõ hơn về các hành động, sự việc đang diễn ra trong câu. Ký hiệu trạng từ trong Tiếng Anh là Adv.

Ví dụ trạng từ trong Tiếng Anh:

- Sometimes they just drive **slowly** down the lane enjoying the scenery.

→ Trạng từ “**slowly**” được dùng để bổ nghĩa cho động từ “drive”, giúp chúng ta hiểu được tốc độ chạy xe của họ.

- Farmers are **extremely** busy during the harvest.

→ Trạng từ “**extremely**” được dùng để bổ nghĩa cho tính từ “busy”, giúp chúng ta hiểu được mức độ bận rộn của người nông dân khi đến mỗi mùa thu hoạch.



Một ví dụ của trạng từ (Adverb) trong cuộc hội thoại.

2. Chức năng của một trạng từ trong câu

Trong câu, trạng từ luôn đảm nhận các chức năng quan trọng, điển hình là làm rõ ý nghĩa và cách thức diễn đạt của các thành phần khác trong câu. Các thành phần đó sẽ bao gồm động từ, tính từ, trạng từ khác, mệnh đề hoặc một loại từ khác.

CHỨC NĂNG CỦA TRẠNG TỪ



Chức năng 1: Bổ nghĩa cho động từ trong câu

Sử dụng trạng từ trong Tiếng Anh sẽ giúp động từ trong câu trở nên sinh động và thú vị hơn. Với trạng từ bổ trợ trong câu, bạn sẽ nhấn mạnh được hành động đang xảy ra.

Ví dụ:

- Câu không có trạng từ: She talks.
- Câu có trạng từ: She talks **loudly**.

→ Bạn có thể thấy rằng trạng từ “loudly” bổ nghĩa cho động từ “talk”, giúp nhấn mạnh rằng âm lượng nói chuyện của cô ấy khá lớn.

Chức năng 2: Bổ nghĩa cho tính từ trong câu

Trạng từ có thể bổ nghĩa cho một tính từ bằng cách thể hiện mức độ và tần số của tính từ đó.

Ví dụ: There was a bit of a wind and it was blowing onshore, variable, but quite **strong**.

→ Trạng từ “quite” bổ nghĩa cho tính từ “strong”, giúp ta hiểu được mức độ của cơn gió khá mạnh.

Chức năng 3: Bổ nghĩa cho trạng từ khác trong câu

Nếu trong câu đã có trạng từ, bạn vẫn có thể sử dụng trạng từ khác nhằm làm rõ, nhấn mạnh của động từ đã được sử dụng trong câu.

- Plans for our picnic are shaping up very well.

→ Trạng từ “very” bổ nghĩa cho trạng từ “well” giúp ta biết được kế hoạch đi dã ngoại vào cuối tuần này đã được lên kế hoạch khá hoàn hảo.

Chức năng 4: Bổ nghĩa cho các loại từ khác

Trạng từ bổ nghĩa cho danh từ/ cụm danh từ:

Ví dụ:

- She is just a freshman. Don't expect her to know everything about the campus.

→ Trạng từ “just” bổ nghĩa cho danh từ “freshman” để bổ sung thêm thông tin về tính chất, trạng thái mới mẻ của chủ thể (mới chủ là sinh viên năm nhất.)

Trạng từ bổ nghĩa cho cụm danh từ:

- This dress is always cheaper, even in peak seasons. (Chiếc váy này luôn rẻ, ngay cả vào mùa cao điểm.)

→ Trạng từ “even” bổ nghĩa cho cụm giới từ “in peak seasons” để bổ sung thêm thông tin rằng chiếc váy luôn rẻ, kể cả trong những mùa cao điểm.

3. Vị trí của trạng từ trong Tiếng Anh

Để tuân thủ chính xác các cấu trúc ngữ pháp trong Tiếng Anh, vị trí của các trạng từ cần được áp dụng chính xác tùy vào mỗi mục đích bổ trợ trong câu. Mặc dù không có một vị trí cố định đối với trạng từ, bạn cũng nên ghi nhớ những quy tắc để có thể đặt trạng từ chính xác trong từ trường hợp khác nhau.

Đứng ở đầu câu

Trạng từ có thể được đặt ở đầu câu để bổ nghĩa cho cả câu và đảm bảo câu được truyền tải các ngữ nghĩa được rõ ràng, mạch lạc nhất.

- Suddenly, the argument developed into a real fight.
- Surprisingly, he agreed straight away.

Đứng sau động từ thường hoặc cuối câu

Thông thường, một vị trí trạng từ trong Tiếng Anh khá phổ biến là đứng sau động từ để bổ nghĩa cho các hoạt động trong câu. Đối với các trường hợp này, trạng từ thường đứng cuối câu.

- The ground dried up **quickly** after the rain.

Tuy nhiên, nếu bạn dùng một trạng từ chỉ tần suất bổ nghĩa cho động từ thường, thì những trạng từ này thường đứng trước các động từ mà nó cần bổ nghĩa trong câu.

- We **usually** go to the restaurant on Sundays.

Đứng trước tính từ và các trạng từ khác

Trạng từ thường đứng trước tính từ với mục đích bổ nghĩa và gia tăng mức độ cho tính từ đó.

- Penicillin was an **extremely** significant medical discovery.

Một trạng từ cũng thường được đặt trước các trạng từ khác nhằm bổ nghĩa cho mức độ, tính chất của một sự kiện, hành động xảy ra trước nó.

- I'm afraid I'm not expressing myself **very clearly**.

4. Dấu hiệu nhận biết trạng từ trong Tiếng Anh

DẤU HIỆU NHẬN BIẾT TRẠNG TỪ



Để nhận biết một trạng từ trong câu, thông thường chúng ta sẽ dựa vào hậu tố “-ly” đứng sau từ đó. Tuy nhiên, sẽ có một số **trạng từ trong Tiếng Anh** không tuân thủ theo quy tắc này, điển hình như:

- Trạng từ có hậu tố -ly: quickly, slowly, carefully, beautifully,...
- Trạng từ không có hậu tố -ly: well, never, often, very...
- Trạng từ có hình thức như tính từ: daily, early, weekly, monthly, yearly, fast, hard ..

5. Cách sắp xếp trạng từ trong Tiếng Anh theo thứ tự

Khi trong câu xuất hiện nhiều trạng từ Tiếng Anh, vị trí của các trạng từ sẽ được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên như sau:

Cách thức (manner) → Nơi chốn (place) → Tần suất (frequency) → Thời gian (time) → Mục đích (purpose)

Lấy ví dụ về thứ tự vị trí của một trạng từ trong câu:

Minh drives quickly down the road every morning before school because she might be late.

Dựa vào câu trên, bạn có thể phân tích chi tiết các trạng từ:

- Động từ: Run

- Trạng từ chỉ cách thức: Quickly
- Trạng từ chỉ nơi chốn: Down the road
- Trạng từ chỉ tần suất: Every morning
- Trạng từ chỉ thời gian: Before school
- Trạng từ chỉ mục đích: Because

Mặc dù đây là những vị trí quy định khi có nhiều trạng từ, bạn vẫn có thể linh hoạt sắp xếp chúng trong câu. Trong một vài trường hợp, bạn vẫn có thể đặt trạng từ chỉ thời gian và tần suất ở đầu câu nhằm nhấn mạnh sự việc.

6. Các loại trạng từ thông dụng trong Tiếng Anh



Có nhiều loại trạng từ hay dùng trong Tiếng Anh, mỗi loại sẽ có một chức năng và cách sử dụng tùy vào từng trường hợp khác nhau. Dưới đây là những trạng từ phổ biến bạn có thể sử dụng:

Trạng từ chỉ tần suất (Frequency)

Trạng từ chỉ tần suất thường được dùng để diễn tả mức độ và tần suất của một hành động được nhắc đến trong câu.

- Always (luôn luôn)
- Often (thường xuyên)
- Usually (thông thường)
- Frequently (thường xuyên)
- Sometimes (thỉnh thoảng)

- Occasionally (đôi khi)
- Rarely (hiếm khi)
- Seldom (hiếm khi)
- Hardly ever (hiếm khi)
- Never (không bao giờ)

Trạng từ chỉ nơi chốn (Place)

Trạng từ chỉ nơi chốn sẽ giúp bạn nắm rõ được vị trí, địa điểm xảy ra của một hành động nào đó trong câu, giúp người nghe hoặc người đọc hiểu rõ hơn về các hoạt động, sự kiện trong câu.

- Here (ở đây)
- There (ở đó)
- Everywhere (khắp nơi)
- Somewhere (một nơi nào đó)
- Nowhere (không nơi nào)
- Anywhere (bất cứ nơi nào)
- Upstairs (lên lầu)
- Downstairs (xuống dưới)
- Nearby (gần đây)
- Inside (bên trong)
- Outside (bên ngoài)
- Away (đi khỏi)

Trạng từ chỉ thời gian (Time)

Trạng từ chỉ thời gian sẽ giúp bạn nắm rõ được thời gian xảy ra của một hành động nào đó trong câu, giúp người nghe hoặc người đọc hiểu rõ hơn về các lịch trình, thời điểm miêu tả một hoạt động nào đó của câu nếu có.

- Now (bây giờ)
- Today (hôm nay)
- Tomorrow (ngày mai)
- Yesterday (hôm qua)
- Soon (sớm)

- Later (sau)
- Lately (gần đây)
- Early (sớm)
- Recently (gần đây)
- Finally (cuối cùng thì)

Trạng từ chỉ cách thức (Manner)

Trạng từ chỉ cách thức sẽ giúp bạn nắm rõ được cách thức xảy ra của một hành động nào đó trong câu, giúp người nghe hoặc người đọc hiểu rõ hơn về các những cách thức, phương pháp xảy ra một sự kiện nào đó trong câu.

- Quickly (nhANH chóng)
- Carefully (cẩn thận)
- Loudly (to)
- Quietly (yên lặng)
- Easily (dễ dàng)
- Enthusiastically (hăng hái)
- Patiently (kiên nhẫn)
- Gracefully (duyên dáng)
- Angrily (giận dữ)
- Happily (hạnh phúc)
- Beautifully (đẹp đẽ)
- Carelessly (cẩu thả)
- Politely (lịch sự)
- Cautiously (cẩn trọng)
- Bravely (dũng cảm)

Trạng từ chỉ mức độ (Degree)

Khi sử dụng trạng từ chỉ mức độ, bạn sẽ dễ dàng diễn tả mức độ cao thấp của sự việc hoặc các tính chất của hoạt động bạn đang miêu tả.

- Very (rất)
- Extremely (cực kỳ)
- Quite (khá)

- Too (quá)
- Rather (khá là)
- Fairly (tương đối)
- Almost (gần như)
- Nearly (gần như)
- Just (chỉ)
- Barely (vừa vặn)
- Absolutely (tuyệt đối)
- Perfectly (hoàn hảo)
- Highly (rất)
- Exceedingly (vô cùng)
- Hardly (hầu như không)

CÁC LOẠI TRẠNG TỪ



7. Cách tạo và nhận biết trạng từ trong Tiếng Anh

Cách tạo trạng từ bằng việc biến đổi tính từ

Khi muốn biến đổi một tính từ sang trạng từ, bạn chỉ cần thêm hậu tố **-ly** vào sau từ đó. Công thức chung khi biến đổi như sau:

- Slow (tính từ) → Slowly (trạng từ)
- Careful (tính từ) → Carefully (trạng từ)
- Quick (tính từ) → Quickly (trạng từ)

Tuy nhiên, vẫn có vài trường hợp đặc biệt bạn cần lưu ý:

Tính từ kết thúc bằng đuôi “y”, khi biến đổi thành trạng từ cần đổi đuôi thành “ily”

- Happy (tính từ) → Happily (trạng từ)
- Easy (tính từ) → Easily (trạng từ)

Tính từ kết thúc bằng đuôi “ic”, khi biến đổi thành trạng từ cần đổi đuôi thành “ically”

- Energetic (tính từ) → Energetically (trạng từ)
- Artistic (tính từ) → Artistically (trạng từ)

Tính từ kết thúc bằng đuôi “le” hoặc “ue” khi biến đổi thành trạng từ cần đổi đuôi thành “ly”

- Comfortable (tính từ) → Comfortably (trạng từ)
- True (tính từ) → Truly (trạng từ)

Các trạng từ bất quy tắc

Những trạng từ bất quy tắc (Irregular Adverbs) là những trạng từ trong Tiếng Anh không tuân theo một quy tắc nào cả. Các trạng từ này sẽ có quy tắc biến đổi riêng, điển hình như các trạng từ dưới đây:

- Good (tính từ) → Well (trạng từ)
- Fast (tính từ) → Fast (trạng từ)
- Hard (tính từ) → Hard (trạng từ)